

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HS-ST  
Ngày: 06 - 8 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Kim Thành và Ông Thạch Nhị

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Cao Đăng - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

**Đặng Thị Kim T** (tên gọi khác: B), sinh năm 1996 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn C, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay khu phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Văn C, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1964; bị cáo có chồng là anh Hoàng Văn K, sinh năm 1990 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2020 cho đến ngày 06/3/2020 được tại ngoại “có mặt”.

*Người làm chứng:*

Ông Trần Minh T, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 27/02/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Đặng Thị Kim T gọi điện thoại cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 500.000 đồng tiền ma túy đá thì người này đồng ý bán và hẹn giao nhận tiền và ma túy tại ngã ba L, thuộc xã T, thành phố Đ. Sau đó, Thủy đi xe taxi đến địa điểm hẹn đứng đợi, khoảng 05 phút sau thì có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) chạy xe Honda không rõ biển số đến lấy tiền và đưa 01 bọc nylon bên trong chứa ma túy đá cho T. Sau khi mua được ma túy, T đi xe taxi về phòng trọ của mình tại khu phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước cất giấu bọc ma túy trên vào bàn gỗ, lúc này Trần Minh T (là bạn trai T) đang ngủ nên không biết. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, T lấy bọc nylon chứa ma túy trên lấy ra một ít ma túy bỏ vào 01 gói nylon khác hàn kín mép lại và lấy một ít ma túy bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, số ma túy còn lại T cất giấu lại vào bàn gỗ trong phòng trọ rồi T sử dụng ma túy. Trong khi T đang sử dụng ma túy thì T ngủ dậy và sử dụng ma túy cùng với T. Trong khi cả hai đang sử dụng ma túy thì lực lượng Công an thành phố Đ kiểm tra phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đặng Thị Kim T.

Tại bản kết luận giám định số 45/2020/GĐ-MT ngày 04/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng có trong 02 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,9908 gam.

Quá trình điều tra bắt quả tang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ: 01 bọc nylon miệng kéo dính kích thước (4,5 x 04)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (T khai nhận tinh thể màu trắng trong bọc nylon nêu trên là ma túy tổng hợp dạng đá của T, đã được niêm phong theo quy định); 01 gói nylon hàn kín các mép kích thước (03 x 01)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (T khai nhận tinh thể màu trắng trong gói nylon nêu trên là ma túy tổng hợp dạng đá của T, đã được niêm phong theo quy định); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn 01 nỏ Thủy tinh và 01 đoạn ống hút; 01 cân tiểu ly, 06 gói nylon bên trong không có gì, 03 ống Thủy tinh, 01 hộp quẹt ga, 01 kéo bằng kim loại và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh – đen.

Tại Bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 08/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Đặng Thị Kim T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim T mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; các vật dụng được bị cáo dùng vào việc sử dụng, cất giấu ma túy. Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh-đen.

Bị cáo Đặng Thị Kim T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 06/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra, với kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bản thân là người nghiện ma túy nên khoảng 16 giờ ngày 27/02/2020 Đặng Thị Kim T gọi điện thoại cho 01 người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì được người phụ nữ hẹn gặp ở ngã 3, L, thuộc xã T, thành phố Đ giao ma túy. Sau khi nhận ma túy T đem về phòng trọ tại khu phố B, phường T, thành phố Đ cất giấu để sử dụng, đến khoảng 20 giờ cùng ngày sau khi lấy một ít ma túy ra sử dụng cùng với Trần Minh T và cất giấu số ma túy còn lại trong bàn gỗ thì T bị lực lượng Công an thành phố Đ kiểm tra hành chính phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số 45/2020/GĐ-MT ngày 04/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng có trong 02 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,9908 gam.

[3] Hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào khối lượng 0,9908 gam ma túy loại Methamphetamine bị cáo cất giấu để sử dụng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc cất giấu ma túy để sử dụng là hành vi vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[5] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển lành mạnh của con người. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình kiểm tra hành chính bắt quả tang bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy cất giữ, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn còn nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với người phụ nữ và người đàn ông bán và giao ma túy cho Thủy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đang tiếp tục xác minh để có căn cứ xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trần Minh T không biết việc bị cáo Thủy cất giấu ma túy để sử dụng nên không đặt vấn đề xử lý. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Minh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu tiêu hủy số vật chứng thu giữ hiện không còn giá trị sử dụng gồm 01 bì thư ký hiệu vụ số 45/2020 ngày 28/3/2020 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn 01 nỏ Thủy tinh và 01 đoạn ống hút; 01 cân tiểu ly; 06 gói nylon bên trong không có gì; 03 ống Thủy tinh; 01 hộp quẹt ga; 01 kéo bằng kim loại;

Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh – đen của bị cáo Thủy, do đây là phương tiện bị cáo liên hệ để thực hiện hành vi phạm tội.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Kim T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

### **2. Về hình phạt:**

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, bị cáo được khấu trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2020 đến ngày 06/3/2020.

### **3. Về vật chứng vụ án:**

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư ký hiệu vụ số 45/2020 ngày 28/3/2020 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã gồm 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn 01 nỏ Thủy tinh và 01 đoạn ống hút; 01 cân tiểu ly đã cũ; 06 gói nylon bên trong không có gì; 03 ống Thủy tinh đã qua sử dụng; 01 hộp quẹt ga; 01 kéo bằng kim loại đã qua sử dụng;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh – đen đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001805, quyền số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

### **4. Về án phí sơ thẩm:**

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

### **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thành phố Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*đã ký*

- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP.*

**Lê Văn An**